

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày: 19/01/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **Trương Thị Tuyết Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Nguyễn Văn Y**

2/ Bà: **Trần Ngọc Bảo Châu**

Thư ký phiên tòa ông Nguyễn Thành Phục – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa ông **Đàm Viễn Khương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2019/TLST- HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2020/QĐXXST-HS ngày 15/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN MINH N (T)** ; Sinh năm: 1989, tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Khu phố HH, thị trấn LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: Không ; Trình độ văn hóa: 4/12 ; dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam.

Con ông: Nguyễn Văn H (1963) và bà Nguyễn Thị P (1968)

Vợ: Phúc Thị Ngọc P1 (1995). Con có 02 người lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 131/2018/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/6/2019.

(Bị cáo đang bị truy nã).

Người bị hại: Nguyễn Trọng N1 ; sinh năm: 2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã NB, huyện CT-Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Võ Thị N2 ; sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp BB, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 94B, OIK, phường 5, Quận 12, TP Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn H ; sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố HH, thị trấn LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2/ Phạm Trọng S ; sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp K, xã LĐ huyện CT-Tiền Giang

Người làm chứng:

1/ Tăng Thị Ngọc H1 ; sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T A, xã NB - CT-Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12/02/2018, sau khi uống rượu Nguyễn Minh N, Nguyễn Trọng N1 sinh năm 2002, Mai Văn D sinh năm 1996 cùng ngụ ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và Đặng Trần Mỹ D1 (N3), sinh năm 2004 ngụ ấp BC, xã PT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai cùng đi trên xe mô tô 02 bánh biển số 63B9 - 869.19 đến khách sạn ĐH tọa lạc ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để ngủ qua đêm. Tại đây cả nhóm thuê phòng số 18 và số 19 để ngủ. Trong đó N, D và N3 cùng ngủ phòng số 19 riêng N1 ngủ phòng số 18. Một lúc sau, N sang phòng của N1(phòng số 18), thấy N1 đang ngủ nên N nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. N đến chỗ N1 đang ngủ lấy điện thoại di động của N1 giấu vào túi quần, N ra hành lang đẩy phòng trọ thấy xe mô tô biển số 63B9 - 869.19 của N1 để sẵn chìa khóa nên lấy và chạy về Mỹ Tho. Sáng ngày 10/02/2018, N điều khiển xe 63B9 - 869.19 đến một cửa hàng điện thoại di động ở khu vực ngã ba Trung Lương để bán điện thoại đã trộm nhưng do không mở được mặt khóa điện thoại nên không bán được. Khi quay ra thì N phát hiện xe 63B9 - 869.19 bị mất, do sợ bị phát hiện nên N không trình báo sự việc và đi xe khách về Đồng Nai. Khi đến ngã tư Hiệp Phước, N bán điện thoại trộm được cho một đối tượng không rõ họ tên và địa chỉ được số tiền 2.800.000đồng và tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm nên anh N1 đến Công an trình báo và hành vi của Nguyễn Minh N bị phát hiện.

Vật chứng trong vụ án là 01 xe mô tô 02 bánh biển số 63B9 - 869.19 hiệu Seaco do anh Phạm Trọng S đứng tên đăng ký sở hữu, anh S bán cho anh N1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 màu đen không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 200 ngày 02/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh loại xe Wave màu xanh biển số 63B9 - 869.19 có giá trị là 3.800.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu đen có giá trị là 7.650.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.450.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKSCT ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng như Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện theo đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra đến khi xét xử sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng hay quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Xét về tố tụng các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện một cách đầy đủ và đúng theo qui định của luật tố tụng.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12/02/2018, sau khi uống rượu, Nguyễn Minh N cùng Nguyễn Trọng N1, Mai Văn D và Đặng Trần Mỹ D1 cùng đi trên xe mô tô biển số 63B9 - 869.19 đến khách sạn ĐH, tọa lạc tại ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuê phòng ngủ qua đêm. Tại đây cả nhóm thuê phòng số 18 và số 19, trong đó N, D và N3 cùng ngủ phòng số 19 còn Nguyễn Trọng N1 ngủ phòng số 18. Một lúc sau N sang phòng của N1, thấy N1 ngủ nên đã lén lấy điện thoại di động của N1 bỏ vào túi quần và đi ra hành lang dãy phòng trọ thấy xe mô tô biển số 63B9 - 869.19 của N1 để sẵn chìa khóa nên lấy và chạy về Mỹ Tho. Đến sáng ngày 13/02/2018, N điều khiển xe mô tô biển số 63B9 - 869.19 đến một cửa hàng điện thoại di động ở khu vực ngã ba Trung Lương để bán điện thoại trộm được nhưng do không mở được mặt khóa nên không bán được, khi quay trở ra thì N phát hiện mất xe 63B9 - 869.19, sợ bị phát hiện nên N đón xe khách về Đồng Nai và sau đó bán điện thoại trộm được cho một đối tượng không rõ họ tên và địa chỉ được số tiền là 2.800.000đồng, N tiêu xài cá nhân, sự việc sau đó bị phát hiện. Tài sản bị cáo N thực hiện hành vi chiếm đoạt có giá trị là 11.450.000đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh N đã có đủ yếu tố để cấu thành tội, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt qui định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xuất phát từ bản tính tham lam, ý thức xem thường pháp luật, bị cáo Nguyễn Minh N vào ngày 15/9/2017 đã có hành vi trộm cắp tài sản ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình điều tra đã được các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho tại ngoại bị cáo đã không biết ăn năn, hối cải tự sửa đổi mình để trở thành người tốt tìm một việc làm lương thiện để tạo thu nhập chính đáng cho bản thân. Muốn có tiền tiêu xài bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12/02/2018, sau khi uống rượu bị cáo cùng Nguyễn Trọng N1, Mai Văn D và Đặng Trần Mỹ D1 cùng đi trên xe mô tô biển số 63B9-869.19 đến khách sạn ĐH để nghỉ qua đêm. Tại đây, khi bị cáo đi vào phòng nghỉ của anh N1, thấy anh N1 đã ngủ điện thoại để bên cạnh, bị cáo đã lén lấy bỏ vào túi quần và sau đó đi ra hành lang dãy phòng

trợ thấy xe mô tô biển số 63B9-869.19 của anh N1 để, chìa khóa còn cắm trong ổ khóa xe bị cáo liền lấy và tẩu thoát sau đó. Đối với chiếc xe mô tô biển số 63B9 - 869.19 bị cáo làm mất sau đó, còn chiếc điện thoại di động bị cáo bán được số tiền là 2.800.000đồng và tiêu xài cá nhân hết. Bản thân bị cáo vẫn ý thức được tài sản mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Trọng N1 và nó luôn được pháp luật Nhà nước bảo hộ, mọi sự xâm hại đều bị pháp luật trừng trị. Nhưng với bản tính tham lam, lười lao động lại thích ăn chơi tiêu xài bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt. Trong quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù bị cáo đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị cáo cố tình vắng mặt tại phiên tòa và hiện đang bị truy nã. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Với hành vi này, Hội đồng xét xử cần phải nghiêm trị để răn đe và giáo dục cho bị cáo trở thành người dân lương thiện sau này.

[4] Xét thấy trong quá trình điều tra, bị cáo có thật thà thú nhận hành vi phạm tội của mình, bản thân không tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại và đã được bị hại bãi nại, Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Đối với anh Mai Văn D, qua điều tra cho thấy việc bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh N1, anh D không biết và không có tham gia, vì vậy việc cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh D là có căn cứ.

[6] Đối với Đặng Trần Mỹ D1, qua xác minh không có đối tượng tên Đặng Trần Mỹ D1 đăng ký thường trú hay tạm trú tại ấp BC, xã PT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai nên cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau là có căn cứ .

[7] Về dân sự: Ông Nguyễn Văn H là cha của bị cáo N cùng anh Nguyễn Trọng N1, ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị N2 là người đại diện theo pháp luật cho anh N1 thỏa thuận ông H bồi thường cho anh N1 số tiền là 10.000.000đồng, anh N1 đã nhận đủ không yêu cầu gì thêm và đã có đơn bãi nại, ông H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Phạt bị cáo Nguyễn Minh N 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2/ Về dân sự: Ghi nhận anh Nguyễn Trọng N1 đã được bồi thường số tiền là 10.000.000đồng và không yêu cầu gì thêm.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000đồng.

3/ Về án phí: căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Buộc bị cáo phải chịu là 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trương Thị Tuyết Linh